

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 10-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Trần Xuân Thành

Ông Trần Mai Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Cung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 197/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/01/1992 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng T1 và bà Nguyễn Thị T2; chung sống như vợ chồng với Võ Cao Kim N và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2023 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Nguyễn Vinh D - Văn phòng luật sư Vinh D và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh N. Có mặt.

- Bị hại: Anh Ngô Xuân C, sinh năm 1989; trú tại: Khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Tiến D1, sinh năm 1999; trú tại: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1987; trú tại: Số C, đường Y, khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7 năm 2022 do cần tiền đầu tư kinh doanh nên Nguyễn Đức T nảy sinh mục đích thuê xe ô tô tự lái để đi cầm cố, T nói với anh Ngô Xuân C là chủ cửa hàng cho thuê xe tự lái Công Thành cho T thuê 01 xe ô tô để làm phương tiện đi lại, thời gian thuê theo tháng, khi T không có nhu cầu sử dụng nữa thì trả hoặc khi anh C yêu cầu đưa xe về thì T trả; hai bên thống nhất T thuê xe ô tô Accent, màu trắng BKS 37K-043.05, với giá 16.000.000 đồng/01 tháng; hai bên làm hợp đồng thuê xe, anh C đã giao giấy tờ xe, bàn giao xe cho T. Đến tháng 9/2022, T cần tiền trả nợ cho người khác nên T liên hệ với anh Nguyễn Hồng T3 (anh trai của T) và nói muốn cầm cố xe của công ty là xe ô tô Accent, để lấy số tiền 250.000.000 đồng đầu tư kinh doanh. Do trước đó anh T3 đã cầm xe Mazda 3 cho anh Trần Tiến D1 để vay 250.000.000 đồng nên anh T3 liên hệ với anh D1, hai bên thống nhất cho T cầm cố xe ô tô Accent để vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn là 01 tháng và T3 sẽ lấy xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 mà T3 đã cầm cố từ tháng 8/2022 về, nếu đồng ý thì số tiền 250.000.000 đồng mà T3 vay D1 khi cầm cố xe Mazda 3 T3 sẽ đưa trực tiếp cho T, số tiền lãi suất còn lại là 9.000.000 đồng thì T sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả cho Duy hộ T3 luôn. D1 đồng ý, nên vào ngày 19/9/2022 T liên hệ với D1 nói có người sẽ trực tiếp đưa xe ô tô Accent xuống và lấy xe ô tô Mazda 3 ra. Cùng ngày T nhờ Võ Đức M (lái xe riêng cho T3) lên nhà T ở khối T, phường H, thành phố V để lấy xe ô tô Accent, BKS 37K-043.05 đưa xuống cho D1. Tại đây, theo sự chỉ đạo của T, M viết giấy vay số tiền 259.000.000 đồng lập ngày 19/9/2022, lãi suất T với D1 thỏa thuận là 2.500 đồng/01.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 90%/01 năm). Hàng tháng T có đóng tiền thuê xe cho cửa hàng anh C, đóng tiền lãi suất cho D1 đầy đủ. Đến tháng 3/2023, T không thanh toán tiền thuê xe nên anh C yêu cầu T trả xe, T đã thừa nhận với anh C xe ô tô trên T đã đi cầm cố lấy tiền, hiện nay chưa có tiền để lấy xe, T có hứa hẹn nhiều lần nhưng không vẫn không trả lại xe ô tô trên cho anh C.

Ngày 24/8/2022, anh Nguyễn Hồng T3 là anh trai T có thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson BKS 37A-527.03 tại cửa hàng cho thuê xe tự lái Công Thành để đi lại. Ngày 06/01/2023 anh T3 nhờ T đưa xe ô tô Tucson biển số 37A-527.03 để đi trả cho cửa hàng này. Do cần tiền, T muốn thuê xe tự lái để cầm cố lấy tiền nên T liên hệ với anh C chủ cửa hàng cho thuê xe để thống nhất cho T thuê chiếc xe này để đi lại, thời gian thuê 01 tháng với giá 900.000 đồng/1 ngày, anh C đồng ý, cùng ngày T liên hệ và gặp Trần Tiến D1 muốn cầm cố xe ô tô Tucson vay số tiền 300.000.000 đồng. T nói với D1 xe ô tô này là xe của công ty T, hai bên thống nhất lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương 73%/01 năm), thời gian vay 01 tháng và làm giấy vay tiền và do T chưa thanh toán tiền lãi suất của khoản vay trước nên số tiền 300.000.000 đồng D1 sẽ trừ 02 tháng tiền lãi 02 tháng từ 04/12/2022 đến 04/01/2023 là 36.000.000

đồng của khoản vay 259.000.000 đồng trước đó. Vì vậy, D1 chỉ đưa cho T số tiền 264.000.000 đồng. Cùng ngày, D1 đã chuyển khoản cho T vào số tài khoản Ngân hàng B mở tại Ngân hàng A số tiền 232.000.000 đồng, sau đó ngày 27/1/2023 D1 chuyển khoản tiếp cho T số tiền 32.000.000 đồng.

Đến tháng 02/2023, anh C yêu cầu T đưa xe ô tô Hyundai Tucson về đi bảo dưỡng và đi kiểm định. T đồng ý rồi điện thoại cho D1 đưa xe ô tô này lên ga ra gần Bệnh viện đa khoa tỉnh N để bảo dưỡng rồi đi làm kiểm định. D1 điều khiển xe ô tô trên về gara, vài ngày sau D1 lên gara để lấy xe thì không thấy xe (do xe đã được anh C lấy về) nên có điện thoại cho T hỏi về xe ô tô này, lúc này T nói với D1 xe đang đi làm kiểm định nếu cần thì để T lấy xe khác của công ty thế vào. D1 đồng ý và hai bên thống nhất hủy giấy vay tiền trước và ghi giấy mới đề ngày 15/02/2023 và ngày hôm sau sẽ đưa xe ô tô đến để thế vào. Ngày 16/02/2023, T đến cửa hàng cho thuê xe tự lái Công Thành để thuê 01 xe ô tô Mitsubishi Xpander, BKS 37K-009.37, hai bên làm hợp đồng với thời gian thuê 01 tháng, giá 700.000 đồng/01 ngày. Sau đó T điều khiển xe ô tô trên đến nhà để đưa cho D1. Đến ngày trả tiền thuê xe nhưng T không trả, anh C yêu cầu đưa xe về thì T đã đưa ra nhiều lý do khác nhau để trì hoãn và không thực hiện theo đúng cam kết. Đến tháng 3/2023, T không thanh toán tiền thuê xe cho cửa hàng cho thuê xe tự lái Công Thành, anh C yêu cầu T trả xe, T thừa nhận với anh C xe ô tô trên T đã đi cầm cố cho Trần Tiến D1, hiện nay chưa có tiền để lấy xe, T có hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện được.

Ngày 26/4/2023, anh Ngô Xuân C đã đến Cơ quan điều tra để gửi đơn tố giác tội phạm, kèm theo các tài liệu chứng cứ liên quan. Ngày 29/4/2023, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Nguyễn Đức T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đầu thú.

Kết luận giám định số 151/KL-KTHS(Đ3-SK,SM) ngày 01/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận xe ô tô MISSUBISHI, số loại XPANDER, BKS 37K-009.37 tại thời điểm giám định xác định được:

- + Số khung, số máy của xe không bị đục, tẩy xóa
- + Số khung nguyên thủy của xe là: MK2LRNC1WLN030467
- + Số máy nguyên thủy của xe là: 4A91KAK0318.

- Tại Kết luận giám định số 152/KL-KTHS(DD3-SK,SM) ngày 01/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh kết luận xe ô tô HYUNDAI, số loại ACCENT, BKS 37K-043.05 tại thời điểm giám định xác định được:

- + Số khung, số máy của xe không bị đục, tẩy xóa
- + Số khung nguyên thủy của xe là: RLUAC41BBNN080458
- + Số máy nguyên thủy của xe là: G4LCNU651825

- Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Nghệ An kết luận

+ Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT, 5 chỗ, màu trắng, biển số 37K-043.05, sản xuất năm 2022; số máy: G4LCNU651825, số khung: RLUAC41BBNN080458 xe đã qua sử dụng tại thời điểm tháng 7/2022 có mức giá là 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

+ Xe ô tô nhãn hiệu MISSUBISHI, số loại XPANDER, 7 chỗ sơn màu trắng, biển số 37K-009.37, sản xuất năm 2021, số máy 4A91KAK0318; số khung MK2LRNC1WLN030467 xe đã qua sử dụng tại thời điểm tháng 2/2023 có mức giá là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

- Tại Kết luận giám định số 327/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 12/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh kết luận chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1; Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức T” dưới mục “Người cam kết” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3; chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức T” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe ô tô Hyundai Accent, BKS 37K-043.05 và 01 xe ô tô Mitsubishi Xpander, BKS 37K-009.37, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ngô Xuân C và vợ là Trần Thị Hoàng N1.

Cáo trạng số 213/CT-VKS-P2 ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Phản tranh luận: Luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với Nguyễn Đức T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Đức T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; hậu quả đã được khắc phục toàn bộ, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Đức T; gia đình có công với cách mạng, bố Nguyễn Đức T là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba, Thủ tướng Chính phủ, Tổng Kiểm toán Nhà nước tặng “Bằng khen”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Đức T.

Bị cáo **Nguyễn Đức T** đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư và không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của Cơ quan điều tra, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Đức T** khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét lời khai của bị cáo **Nguyễn Đức T** tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ căn cứ kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và đầu tư kinh doanh, **Nguyễn Đức T** đã dùng thủ đoạn thuê xe ô tô tự lái sau đó đưa đi cầm cố. Từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023, **Nguyễn Đức T** đã thuê xe ô tô Hyundai Accent BKS 37K-043.05 và xe ô tô Mitsubishi Xpander, BKS 37K-009.37 của anh **Ngô Xuân C** sau đó đem đến cầm cố cho anh **Trần Tiến D1** vay tổng số tiền 550.000.000 đồng. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Nghệ An kết luận, tổng trị giá 02 xe ô tô nêu trên là 960.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo **Nguyễn Đức T** đã dùng thủ đoạn gian dối thuê 02 xe ô tô của anh **Nguyễn Đức C1** cầm cố lấy tiền tiêu xài chiếm đoạt số tiền trị giá 02 xe ô tô là 960.000.000 đồng đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo **Nguyễn Đức T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự nói chung. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt; có bố là ông **Nguyễn Hồng T1** là thương binh, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì, Ba, được Thủ tướng Chính phủ, Tổng Kiểm toán Nhà nước tặng “Bằng khen”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Đức T** có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về các nội dung khác:

- Anh **Nguyễn Hồng T3** thuê xe ô tô Tucson biển số 37A-527.03 để đi lại, sau đó không có nhu cầu đi lại **T3** đã chuyển chiếc xe đó cho **T** thuê lại (được sự đồng ý của chủ xe là anh **C1**), việc **T** sử dụng, cầm cố xe anh **T3** không biết, do đó không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án.

- Đối với **Trần Tiến D1**, là người nhận cầm cố xe ô tô Hyundai Accent BKS 37K-043.05 và xe ô tô Misshubishi Xpander, BKS 37K-009.37 cho **T**, do tin tưởng các xe ô tô trên là xe của công ty do **T** góp vốn đầu tư kinh doanh với bạn bè nên mới đồng ý cho **T** cầm cố, **D1** không biết đây là các xe ô tô **T** đi thuê của cửa hàng cho thuê xe tự lái Công Thành. Do đó Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý **Trần Tiến D1** về trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do **Trần Tiến D1** không đăng ký dịch vụ ngành nghề kinh doanh có điều kiện (cầm đồ) mà vẫn nhận cầm cố cho vay tiền với mức lãi suất từ 73% đến 90%/01năm. Hành vi trên của **D1** vi phạm quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 12, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ “Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự”. Do đó Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ liên quan đề nghị **Công an thành phố V** xem xét xử phạt hành chính **Trần Tiến D1** về hành vi không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản.

[6] Về vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan điều tra xử lý đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 07 (bảy) năm tù về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2023. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Nguyễn Đức T** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh